

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM  
Số: 1009/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nam, ngày 24 tháng 9 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật  
Khu trung tâm y tế chất lượng cao

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản đã được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông báo số 401/TB-VPCP ngày 06/11/2013 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về đầu tư xây dựng mới 05 bệnh viện, viện tuyến trung ương và tuyến cuối đặt tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng mới 05 bệnh viện, viện tuyến trung ương và tuyến cuối đặt tại thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Văn bản số 94/TB-BKHĐT ngày 22/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kết luận của Bộ trưởng Bùi Quang Vinh tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Nam;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 661/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 về việc ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; số 1021/QĐ-UBND ngày 27/9/2010, số 1386/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định



661/QĐ-UBND; số 04/2014/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 ban hành Quy định quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Ban quản lý phát triển Khu đô thị mới tỉnh Hà Nam (*tại Tờ trình số 36/TTr- BQL ngày 28 tháng 8 năm 2014*) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (*tại Tờ trình số 874/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 9 năm 2014*),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm y tế chất lượng cao, với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm y tế chất lượng cao.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý phát triển Khu đô thị mới tỉnh Hà Nam.

**3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty CP xây dựng và tư vấn quốc tế Việt Nam.

**4. Chủ nhiệm lập dự án:** Nguyễn Quang Huy.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm y tế chất lượng cao tại khu vực nút giao Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý bao gồm đầu tư xây dựng các tuyến đường gom kết nối giữa các cơ sở y tế với quốc lộ; các tuyến đường kết nối các khu dân cư xung quanh; các tuyến đường kết nối các cơ sở y tế, dịch vụ và kết nối với ga đường sắt cao tốc với mục tiêu:

- Phục vụ hoạt động cho 02 Bệnh viện: Cơ sở 2- Bệnh viện Bạch Mai và Cơ sở 2- Bệnh viện Việt Đức; Kêu gọi các nguồn vốn khác đầu tư cơ sở y tế chất lượng cao theo các hình thức FDI, PPP ... để chăm sóc sức khỏe nhân dân khu vực phía Nam Hà Nội (*cho các tỉnh từ Bắc miền Trung đến Nam đồng bằng sông Hồng khoảng 28 triệu dân; Quy hoạch vùng thủ đô đến 2030, tầm nhìn đến 2050, tỉnh Hà Nam có khoảng 7.000 giường bệnh*).

- Kết nối đồng bộ hạ tầng giữa các cơ sở y tế, các cơ sở dịch vụ khác, để kết nối các khu dân cư xung quanh, kết nối với các công trình đầu nối HTKT trung chuyển hành khách nhằm hình thành khu vực nút giao Liêm Tuyền thành Khu trung tâm y tế chất lượng cao theo đúng quy hoạch, hiện đại tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, dịch vụ thương mại của tỉnh trong thời gian tới.

- Đảm bảo đời sống dân sinh, phát triển kinh tế xã hội khu vực xung quanh các bệnh viện Trung ương và bệnh viện khác khi giao đất đầu tư cho các bệnh viện triển khai dự án, chủ yếu là: đường giao thông, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp thoát nước, cấp điện...

**6. Nội dung, quy mô đầu tư, các giải pháp thiết kế, xây dựng:**

a) *Hạng mục đường giao thông:* đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông kết hợp tiêu thoát nước cho khu trung tâm y tế chất lượng cao, gồm:

- Tuyến đường gom kết nối giữa các cơ sở y tế với quốc lộ (đường gom cao tốc G1 gồm có 03 đoạn): tổng chiều dài 3.197m; gồm các hạng mục: nền đường; kết cấu mặt đường; bó vỉa; vỉa hè, cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa, thoát nước thải; điện chiếu sáng. Quy mô mặt cắt MC= 12,5M (5M+7,5M).

- Tuyến đường kết nối khu dân cư (đường kết nối dân cư G5 có 07 đoạn): tổng chiều dài 3.570m; gồm các hạng mục đầu tư gồm: nền đường; kết cấu mặt đường; bó vỉa; vỉa hè, cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa, thoát nước thải; điện chiếu sáng. Quy mô mặt cắt MC= 20,5M (5M+10,5M+5M).

- Tuyến đường kết nối các cơ sở y tế, dịch vụ khác và kết nối với ga đường sắt cao tốc:

+ Đường kết nối N2 có 02 đoạn, tổng chiều dài: 2.140m; ; gồm các hạng mục đầu tư gồm: nền đường; kết cấu mặt đường; bó vỉa; vỉa hè, cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa, thoát nước thải; điện chiếu sáng. Quy mô mặt cắt MC= 31M (8M+15M+8M).

+ Đường kết nối N3 có 04 đoạn, tổng chiều dài: 3.471m; ; gồm các hạng mục đầu tư gồm: nền đường; kết cấu mặt đường; bó vỉa; vỉa hè, cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa, thoát nước thải; điện chiếu sáng. Quy mô mặt cắt MC= 52,5M (10M+11,25M+10M+11,25M+10M).

- Kết cấu:

+ Nền đường: Nền đào: đào đất với mái taluy 1/1; Nền đắp: Mái dốc taluy đắp đất là 1/1,5. Nền đắp đạt  $K \geq 0,95$  tới cao độ cách đáy áo đường 0,3m, còn lại đắp đất đòi chọn lọc đạt  $K \geq 0,98$  đến cao độ đáy áo đường. Mặt đường: Cường độ mặt đường thiết kế với  $E_{yc} > 155\text{Mpa}$ , kết cấu mặt đường từ trên xuống gồm các lớp: Lớp BTN hạt mịn dày 5cm; lớp nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup>; lớp BTN hạt trung dày 7cm; lớp nhựa thấm bám 1kg/m<sup>2</sup> trên lớp CPĐD loại I dày 26cm và lớp cấp phối đá dăm loại II dày 28cm.

+Vỉa hè: Kết cấu vỉa hè chủ yếu là kết cấu trên nền đắp. Kết cấu vỉa hè thiết kế đắp đất đòi trên lớp nền cát.

+ Cây xanh, hồ trồng cây: Các cây xanh được bố trí với khoảng cách 10m/1 cây. Hồ trồng cây được thiết kế rộng 1,2mx1,2m, bằng BTXM.

+ Cấp, thoát nước: Cống thoát nước ngang đường được thiết kế cống tròn BTCT, cống thoát nước dọc đường được bố trí trên đường, cống dọc đường được đầu nối vào các hố ga thu nước mặt đường .

+ Chiếu sáng đường: đảm bảo ATGT cho người và phương tiện về đêm.

+ Tổ chức và an toàn giao thông: Được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

b) *Kênh thủy lợi*: Đường kết hợp kiên cố hoá kênh thủy lợi có 02 đoạn, tổng chiều dài: 2.699m. Quy mô mặt cắt 44M (5M+7M+1,5M)+13,5M+(1,5M+10,5M+5M).

c) *Hệ thống điện cao thế (điện ngầm)*: xây dựng hệ thống điện cao thế cung cấp cho toàn bộ khu trung tâm y tế với tổng chiều dài khoảng 14.410m.

**7. Địa điểm xây dựng**: Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**8. Diện tích sử dụng đất**: 70,5 ha.

**9. Phương án xây dựng**: Xây dựng mới.

**10. Loại và cấp công trình**: Công trình giao thông cấp II.

**11. Tổng mức đầu tư của dự án**: **1.701.575,74 triệu đồng**; Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	1.399.130,17 triệu đồng
- Chi phí đền bù, GPMB:	169.528,2 triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án:	27.982,6 triệu đồng
- Chi phí khác:	34.978,25 triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	69.956,51 triệu đồng

*(Chi tiết theo biểu đính kèm)*

**12. Nguồn vốn đầu tư**:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ.
- Ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

**13. Thời gian thực hiện dự án**: 2014 – 2020.

**14. Phân kỳ thực hiện dự án**: Phân kỳ thực hiện dự án thành 02 giai đoạn đầu tư: Giai đoạn 1 (năm 2014-2015), Giai đoạn 2 (năm 2016 – 2020), cụ thể:

**14.1 Giai đoạn 1 (năm 2014 - 2015): 221.000,2 triệu đồng.**

a) *Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ*:

- Hạng mục thực hiện: Đường gom kết nối khu vực G5-1, G5-4, G5-6, G5-7; Kênh thủy lợi TL1-M.

- Kinh phí đầu tư: 176.163,7 triệu đồng;

b) *Nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác*:

- Hạng mục thực hiện: Kinh phí GPMB các tuyến đường G5 (07 đoạn) và đường kênh thủy lợi TL1-1.

- Kinh phí đầu tư: 44.836,5 triệu đồng.

**14.2 Giai đoạn 2 (năm 2016 - 2020): 1.480.575,4 triệu đồng.**

a) *Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ*:

- Hạng mục thực hiện: Đường gom cao tốc G1; Đường kênh thủy lợi TL1-M; Hệ thống điện cao thế (điện ngầm); Đường kênh thủy lợi TL1-2, kênh thủy lợi TL1-2; Đường kết nối N2; Đường kết nối N3; Hệ thống điện cao thế (điện ngầm).

- Kinh phí đầu tư: 1.155.404,9 triệu đồng;

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác:

- Hạng mục thực hiện: Đường gom kết nối khu dân cư G5-2, G5-3, G5-5; Đường kênh thuỷ lợi TL1-T, kênh thuỷ lợi TL1-T; Kinh phí GPMB các tuyến đường G1(03 đoạn); Kinh phí GPMB các tuyến đường kết nối N2, N3; Kinh phí GPMB đường kênh thuỷ lợi TL1-2.

- Kinh phí đầu tư: 325.170,5 triệu đồng.

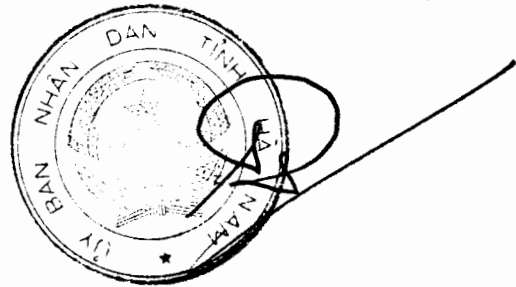
**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Kế hoạch Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nam, Ban quản lý phát triển Khu đô thị mới và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ma*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: CPVP; XD;TC; TN; TN&THS;
- Lưu VT, XD;

**CHỦ TỊCH**



**Mai Tiến Dũng**



**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ**

Dự án đầu tư xây dựng HTKT khu trung tâm Y tế chất lượng cao

(Kèm theo Quyết định số **1009** /QĐ-UBND ngày **24** tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên hạng mục công trình	Tổng mức đầu tư	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú
			Giai đoạn 2014- 2015	Giai đoạn 2016- 2020	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,331,568.59</b>	<b>176,163.70</b>	<b>1,155,404.88</b>	
I	Tuyến đường gom cao tốc Phú Lý - Mỹ Lộc	122,924.65		122,924.65	
1	Đường gom cao tốc G1				
II	Tuyến đường kết nối khu vực (đoạn G5-1, G5-4, G5-6, G5-7)				
1	Đường gom kết nối khu vực G5-1	25,647.96	25,647.96		
2	Đường gom kết nối khu vực G5-4	46,179.12	46,179.12		
3	Đường gom kết nối khu vực G5-6	20,787.00	20,787.00		
4	Đường gom kết nối khu vực G5-7	42,661.32	42,661.32		
III	Đường kênh thủy lợi (đoạn TL1-M và đoạn TL1-2)				
1	Đường kênh thủy lợi TL1-M				
1.1	Đường kênh thủy lợi TL1-M	39,840.00		39,840.00	
1.2	Kênh thủy lợi TL1-M	14,940.00	14,940.00		
2	Đường kênh thủy lợi TL1-2				
2.1	Đường kênh thủy lợi TL1-2	153,792.00		153,792.00	
2.2	Kênh thủy lợi TL1-2	57,672.00		57,672.00	
IV	Tuyến đường kết nối các cơ sở y tế- dịch vụ, kết nối ga đường sắt cao tốc				
1	Đường kết nối N2	205,311.60		205,311.60	
2	Đường kết nối N3	444,010.32		444,010.32	
V	Hệ thống điện cao thế (điện ngầm)				
1	Cáp trục và phụ kiện	42,278.40		42,278.40	
VI	Chi phí quản lý dự án - chi phí khác - chi phí dự phòng				
1	Chi phí quản lý dự án	24,320.89	5,462.80	18,858.09	
2	Chi phí khác	30,401.11	6,828.50	23,572.61	
3	Chi phí dự phòng	60,802.22	13,657.00	47,145.22	



**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC**

Dự án đầu tư xây dựng HTKT khu trung tâm Y tế chất lượng cao  
(Kèm theo Quyết định số **1009** /QĐ-UBND ngày **29** tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Tên hàng mục công trình	Kinh phí đầu tư (Tr.đồng)	Phân kỳ đầu tư		Ghi chú	
			Giai đoạn 2014-2016	Giai đoạn 2016-2020		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>370,007.00</b>	<b>44,836.50</b>	<b>325,170.50</b>	
<b>I</b>	<b>Tuyến đường kết nối khu dân cư (đoạn G5-2, G5-3, và G5-5)</b>					
1	Đường gom kết nối khu dân cư G5-2	23,025.60			23,025.60	
2	Đường gom kết nối khu dân cư G5-3	35,035.92			35,035.92	
3	Đường gom kết nối khu dân cư G5-5	34,730.28			34,730.28	
<b>II</b>	<b>Kênh thủy lợi TL1-T</b>					
1	Đường kênh thủy lợi TL1-T	65,741.84			65,741.84	
2	Kênh thủy lợi TL1-T	24,552.00			24,552.00	
<b>III</b>	<b>Kinh phí GPMB</b>					
1	Đường gom cao tốc G1 (03 đoạn)	15,991.50			15,991.50	
2	Đường gom kết nối khu dân cư G5 (07 đoạn)	28,381.50		28,381.50		
3	Đường kênh thủy lợi (đoạn TL1-1 và đoạn TL1-2)					
3.1	Đường kênh thủy lợi TL1-1	16,455.00		16,455.00		
3.2	Đường kênh thủy lợi TL1-2	24,030.00			24,030.00	
4	Đường kết nối N2	23,754.00			23,754.00	
5	Đường kết nối N3	60,916.20			60,916.20	
<b>V</b>	<b>Chi phí quản lý dự án - chi phí khác - chi phí dự phòng</b>					
1	Chi phí quản lý dự án	3,661.72			3,661.72	
2	Chi phí khác	4,577.15			4,577.15	
3	Chi phí dự phòng	9,154.29			9,154.29	